

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 19 – 6 – 2023

V/v tranh chấp: “Vô hiệu hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương

2. Bà Phạm Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 515/2022/TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST – DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà [Trần Thị C](#), sinh năm 1943

Địa chỉ: [Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông [Lê Minh Đ](#), sinh năm 1978

Địa chỉ: [Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông [Nguyễn Văn B](#), sinh năm: 1968

Địa chỉ: [Sổ I, tổ D, ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà [Nguyễn Thị N](#), sinh năm 1964

Địa chỉ: [Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) (vắng mặt)

3.2. Văn phòng C1

Địa chỉ: Số A - A, đường N, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị C do ông Lê Minh Đồng đại d theo ủy quyền trình bày như sau:

Bà Trần Thị C là chủ sử dụng đất của thửa đất số 3092, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.438 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An giáp ranh với thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 do bà Nguyễn Thị N đứng tên chủ quyền sử dụng đất. Thực tế đất hai bên sử dụng có ranh giới rõ ràng là bờ ranh ruộng và có cắm trụ xi măng để xác định ranh. Đến khi bà C làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con của bà C mới phát hiện diện tích đất 409,6 m² bà C đang quản lý, sử dụng lại thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 do bà N đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, vào năm 2020 bà C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị X với bà Nguyễn Thị N đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 mà bà C đang quản lý, sử dụng.

Ngày 15/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước đã ban hành bản án số 16/2021/DS - ST tuyên xử:

“...*Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị X cho bà Nguyễn Thị N đối với phần đất có diện tích 409,6 m² (theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 vẽ ngày 02/10/2020) thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An được Văn phòng C2 chứng thực số 1776, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/5/2014.*

Bà Trần Thị C được quyền tiếp tục sử dụng đối với phần đất có diện tích 409,6 m² (theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 vẽ ngày 02/10/2020) thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”

Nhưng sau khi bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS – ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước có hiệu lực thi hành thì ngày 23/6/2021 bà Nguyễn Thị N lại ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn B đối với toàn bộ thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.393 m², loại đất lúa do bà N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng C1 trong đó bao gồm luôn phần đất có diện tích 409,6 m² mà bà C đã được Tòa án tuyên cho được tiếp tục quản lý, sử dụng và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đã điều chỉnh cập nhật cho ông B được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng

đối với thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.393 m² nên bà C không thể thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 theo quyết định của bản án được.

Vì vậy nay ông đại diện bà C yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn B được Văn phòng C1 chứng thực ngày 23/6/2021 đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa và cho bà C được đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 mà bà C đang quản lý, sử dụng theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 05/10/2020.

Về chi phí tố tụng: Bà C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 1.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng ông B và bà N đều không đồng ý nhận văn bản do Tòa án tổng đạt, không có bản tự khai và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 do ông Dương Tân T đại diện theo pháp luật trình bày tại văn bản ngày 07/6/2023 như sau: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.393 m², loại đất lúa đã được Văn phòng C1 chứng thực đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N với ông B thì bà C không có đứng tên chủ quyền sử dụng đất và không tham gia trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Vì vậy việc bà C yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn B được Văn phòng C1 chứng thực ngày 23/6/2021 đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đồng thời xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

* Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị N](#) được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, [Văn phòng C1](#) có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

* Về nội dung:

Xét thấy tại bản án số 16/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [Nguyễn Thị X](#) cho bà [Nguyễn N](#) đối với phần đất có diện tích 409,6m² (Theo mảnh trích do bản đồ địa chính số 22ML-2020 do [Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1](#) vẽ ngày 02/10/2020) thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, tọa lạc tại [xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) được [văn phòng C2](#) chứng thực số 1776, quyền số 02TP/CC- SCC/HĐGD ngày 28/5/2014. Bà [Trần Thị C](#) được quyền tiếp tục sử dụng đối với một phần đất có diện tích 409,6m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, tọa lạc tại [xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) và liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên đến ngày 23/6/2021 tại [Văn phòng C1](#), bà [Nguyễn Thị N](#) lại tiếp tục lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 3090, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.393m², loại đất lúa cho ông [Nguyễn Văn B](#) và ông [B](#) đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) điều chỉnh biến động sang tên cho ông [B](#) vào ngày 09/7/2021 trong đó có phần diện tích 409,6m² bà [C](#) đang quản lý, sử dụng và đã được Tòa án giải quyết cho bà [C](#) được quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hành vi của bà [N](#) đã cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Do đó hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [N](#) với ông [B](#) bị vô hiệu đối với phần diện tích đất 409,6m² do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015, bà [C](#) yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [N](#) và ông [B](#) là có căn cứ chấp nhận.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà [N](#) và ông [B](#) vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến về giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông [Nguyễn Văn B](#) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị N](#), [Văn phòng C1](#) nhưng ông [Nguyễn Văn B](#), bà [Nguyễn Thị N](#) vắng mặt không có lý do; người đại diện theo pháp luật của [Văn phòng C1](#) có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông [Nguyễn Văn B](#) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị N](#), [Văn phòng C1](#).

[2] Về nội dung:

[2.1] Tranh chấp giữa bà [Trần Thị C](#) với ông [Nguyễn Văn B](#) là quan hệ pháp luật “Yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông [Lê Minh Đ](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [Nguyễn Thị N](#) với ông [Nguyễn Văn B](#) được [Văn phòng C1](#) chứng thực ngày 23/6/2021 đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa và cho bà [C](#) được đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 mà bà [C](#) đang quản lý, sử dụng theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 của [Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2](#) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) duyệt ngày 05/10/2020.

[2.3] Xét thấy:

[2.3.1] Diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa do bà [N](#) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế đất do bà [C](#) quản lý, sử dụng để làm lúa; giữa phần đất có diện tích 409,6 m² với phần còn lại của thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 được xác định ranh giới rõ ràng bằng bờ ranh ruộng và có cắm hai trụ xi măng; trên phần đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03 có tọa lạc 01 ngôi mộ của chồng bà [C](#) và 01 ngôi mộ của cháu bà [C](#) và tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS – ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức đã tuyên cho bà [Trần Thị C](#) được quyền tiếp tục sử dụng đối với phần đất có diện tích 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại [xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) và bà [C](#) được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng sau khi bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS – ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức có hiệu lực thi hành thì ngày 23/6/2021 bà [Nguyễn Thị N](#) lại ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông [Nguyễn Văn B](#) để tặng cho toàn bộ thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.393 m², loại đất lúa trong đó có diện tích đất 409,6 m² mà bà [C](#) đang quản lý, sử dụng. Như vậy hành vi ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà [N](#) đã cản

trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, là vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 12 của Luật đất đai năm 2013 nên căn cứ Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [C](#), vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [Nguyễn Thị N](#) với ông [Nguyễn Văn B](#) được [Văn phòng C1](#) chứng thực ngày 23/6/2021 đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa theo Mạnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 của [Công ty trách nhiệm hữu hạn D2](#) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) duyệt ngày 05/10/2020 và cho bà [C](#) được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[2.3.2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông [Nguyễn Văn B](#) và bà [Nguyễn Thị N](#) không có bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bị vô hiệu vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu ông [Nguyễn Văn B](#) và bà [Nguyễn Thị N](#) có tranh chấp về hậu quả của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/6/2021 vô hiệu thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà [Trần Thị C](#) là ông [Lê Minh Đ](#) tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức là có cơ sở.

[4] Về án phí: Ông [Nguyễn Văn B](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà [Trần Thị C](#) được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 10 Điều 12 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Trần Thị C](#) về việc “Yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” đối với ông [Nguyễn Văn B](#).

Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà [Nguyễn Thị N](#) với ông [Nguyễn Văn B](#) được [Văn phòng C1](#) chứng thực ngày 23/6/2021 đối với diện tích đất 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại [ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#).

Bà [Trần Thị C](#) được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 409,6 m² thuộc một phần thửa đất số 3090, tờ bản đồ số 03, loại đất lúa, tọa lạc tại [ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 22ML – 2020 của [Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2](#) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C](#) duyệt ngày 05/10/2020.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Về chi phí tố tụng: Bà [Trần Thị C](#) tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 1.000.000 đồng và đã nộp xong.

Về án phí: Ông [Nguyễn Văn B](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà [Trần Thị C](#) được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh

